

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về Bảo đảm chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT- ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở đại học thành viên;

Căn cứ Nghị Quyết số 36/NQ-HĐDH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng đại học Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 05/11/2021 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo, BDCL&CTSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Bảo đảm chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định trước về việc ban hành Quy định về Đảm bảo chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế.

Điều 3. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐU, HĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT, BDCL&CTSV.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Phú

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT

QUY ĐỊNH
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG
ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

*(Kèm theo Quyết định số 160/QĐ-ĐHNT ngày 01 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nghệ thuật – Đại học Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về nguyên tắc triển khai các hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục đại học (BĐCLGD) của Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế (ĐHNT); bảo đảm chất lượng về quản trị chiến lược; bảo đảm chất lượng trong đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục tại Trường ĐHNT; bảo đảm chất lượng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, quản lý tài chính và cơ sở vật chất, xếp hạng đại học tại Trường ĐHNT; kiểm tra, giám sát, khen thưởng và xử lý vi phạm; trách nhiệm tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành nhằm tăng cường văn hóa chất lượng từ tiến độ đến hiệu quả trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường ĐHNT.

2. Văn bản này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan trong Trường ĐHNT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các thuật ngữ và mệnh đề chuyên môn trong văn bản này được hiểu như sau:

1. *Bảo đảm chất lượng giáo dục* là những quan điểm, chủ trương, chính sách, mục tiêu, hành động, công cụ, quy trình và thủ tục, mà thông qua sự hiện diện và sử dụng chúng có thể bảo đảm rằng sứ mạng và mục tiêu giáo dục đang được thực hiện, các chuẩn mực đang được duy trì và nâng cao (theo SEAMEO - Tổ chức Bộ trưởng giáo dục các nước Đông Nam Á (2002)).

2. *Chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục đại học* là sự đáp ứng mục tiêu do cơ sở giáo dục (CSGD) đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật Giáo dục đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

3. *Chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo* là sự đáp ứng mục tiêu đề ra của chương trình đào tạo (CTĐT) của đơn vị đào tạo; bảo đảm các yêu cầu về mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục đại học và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong từng lĩnh vực chuyên môn nhất định để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

4. *Chuẩn chương trình đào tạo* của một trình độ giáo dục đại học là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả CTĐT thuộc một ngành (hoặc của một nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào), khối lượng học tập tối thiểu, cấu

trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện CTĐT để BĐCLGD.

5. *Chuẩn đầu ra* là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một CTĐT, gồm yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

6. *Đánh giá ngoài* là quá trình khảo sát, đánh giá của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các tổ chức kiểm định khu vực, quốc tế ban hành để xác định mức độ CSGD và CTĐT đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

7. *Đánh giá nội bộ cấp Đại học Huế* là quá trình khảo sát, đánh giá của các đồng nghiệp có kiến thức và kỹ năng đánh giá không thuộc đơn vị được đánh giá, để xác định mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của các đơn vị đào tạo và CTĐT trong Đại học Huế.

8. *Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong* là toàn bộ hệ thống, nguồn lực và thông tin dành cho việc thiết lập, duy trì và nâng cao chất lượng và các tiêu chuẩn giảng dạy, học tập, nghiên cứu và dịch vụ cho cộng đồng (theo AUN – Mạng lưới các trường đại học ASEAN (2007)).

9. *Các bên liên quan* bao gồm người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình người học, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, các tổ chức và cá nhân có liên quan khác.

10. *Văn hóa chất lượng* là một loại văn hóa tổ chức trong đó việc nâng cao chất lượng được xem là một việc làm thường xuyên. Văn hóa chất lượng bao gồm 2 yếu tố: (1) Yếu tố văn hóa/tâm lý gồm các giá trị, niềm tin, sự mong đợi và cam kết đối với chất lượng; và (2) Yếu tố quản lý gồm các quy trình được xác định rõ nhằm nâng cao chất lượng và điều phối nỗ lực cá nhân (theo EUA - Hiệp hội các đại học châu Âu (2006)).

11. *Triết lý giáo dục* là một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

Điều 3. Mục tiêu và nguyên tắc đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Trường ĐHNT

1. Mục tiêu đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

a) Mục tiêu tổng quát của đảm bảo chất lượng giáo dục đại học:

Xây dựng văn hóa chất lượng; vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng thông minh để đạt mục tiêu đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng;

thực hiện thành công kiểm định chất lượng giáo dục; và hướng đến thứ bậc cao trong xếp hạng đại học.

b) Mục tiêu cụ thể của đảm bảo chất lượng giáo dục đại học:

- Phát triển bền vững các giá trị chất lượng;

- Hoàn thiện và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng, trong đó kiện toàn về bộ máy, cập nhật quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục; ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch trung và dài hạn, các hướng dẫn và quy trình cho các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục;

- Thực hiện chuyển đổi số đối với hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục, cụ thể là ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động đảm bảo chất lượng với trọng tâm xây dựng hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu phục vụ đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục;

- Thực hiện thành công kiểm định chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế;

- Đảm bảo lợi ích phù hợp của viên chức, người lao động, người học và các bên liên quan khác.

2. Nguyên tắc hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

Để đạt được mục tiêu đảm bảo chất lượng đề ra, hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Trường ĐHNT được xây dựng trên 3 nguyên tắc sau:

a) Đảm bảo trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ và có tính hệ thống; luôn bám sát Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục và Chiến lược phát triển của Trường trong từng giai đoạn;

b) Thống nhất về chi tiêu, biểu mẫu, hệ thống văn bản, quy trình để theo dõi, triển khai và đo lường được kết quả thực hiện đồng thời đảm bảo khả năng đối sánh trong nước và quốc tế;

c) Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá và các báo cáo hoạt động của các đơn vị thuộc Trường ĐHNT phải được công khai minh bạch và có đầy đủ hệ thống minh chứng đề hướng tới hình thành văn hóa chất lượng trong toàn bộ các hoạt động của Trường ĐHNT.

Chương II

HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

Điều 4. Cấu trúc hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế, với sự vận dụng phù hợp theo các điều kiện cụ thể của Trường, áp dụng mô hình ĐBCLGD theo tiêu chuẩn trường đại học và các chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết hợp với mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA); theo đó, cấu trúc hệ thống ĐBCLGD của Trường ĐHNT gồm 2 cấp: Cấp trường và cấp đơn vị. Hệ thống ĐBCLGD cấp trường gồm Hội đồng ĐBCLGD cấp trường và bộ phận chuyên trách ĐBCLGD cấp trường là Phòng Đào tạo, BĐCL & CTSV; hệ thống ĐBCLGD cấp đơn vị gồm các đơn vị thuộc trường.

Điều 5. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học Trường ĐHNT

1. Chức năng của Hội đồng ĐBCLGD Trường ĐHNT

Hội đồng ĐBCLGD có chức năng tư vấn cho Hiệu trưởng về các vấn đề liên quan tới công tác ĐBCLGD nhằm duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục của Trường; tư vấn về công tác kiểm định chất lượng giáo dục theo mục tiêu, chiến lược phát triển của Trường và phù hợp với quy định của Luật Giáo dục Đại học và các quy định liên quan của Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo; tư vấn về xây dựng chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD của Trường; giám sát và đánh giá việc triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược và kế hoạch ĐBCLGD và các vấn đề khác liên quan tới ĐBCLGD của Trường.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng ĐBCLGD Trường ĐHNT

a) Xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành chiến lược và kế hoạch hàng năm về công tác Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục trường; kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo thuộc trường;

b) Giám sát và tổ chức đánh giá việc thực hiện chiến lược, kế hoạch ĐBCLGD của Trường;

c) Giám sát và tổ chức thực hiện các hoạt động đánh giá nội bộ, giám sát việc triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục của Trường và các chương trình đào tạo của Trường;

d) Tư vấn cho Hiệu trưởng sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các văn bản, quy định của Trường trong hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường

e) Xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành các chương trình, đề án cải thiện, nâng cao chất lượng giáo dục đại học nhằm thúc đẩy việc phát triển văn hóa chất lượng tại Trường ĐHNT.

3. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng ĐBCLGD Trường ĐHNT

Hội đồng ĐBCLGD của Trường ĐHNT được thành lập, giải thể theo quyết định của Hiệu trưởng. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện Ban Giám Hiệu, thư ký Hội đồng là Trưởng phòng ĐT, BĐCL&CTSV. Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên Hội đồng. Nhiệm kỳ của Hội đồng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng ĐBCLGD Trường ĐHNT

Hội đồng họp thường kỳ mỗi năm 2 lần. Trường hợp cần thiết Hội đồng có thể họp phiên bất thường. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nghị quyết của Hội đồng được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu công khai hoặc bỏ phiếu kín và Nghị quyết được thông qua khi có trên 50% số thành viên Hội đồng nhất trí.

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Đào tạo, BĐCL&CTSV trong hệ thống ĐBCLGD

1. Phòng Đào tạo, BĐCL&CTSV là bộ phận thường trực giúp Hội đồng ĐBCLGD trong quá trình tổ chức, triển khai các hoạt động Đảm bảo và Kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Tư vấn cho Hội đồng ĐBCLGD trong việc xây dựng các mục tiêu, chính sách, quy trình, quy định và các kế hoạch cụ thể của hoạt động ĐBCLGD trong toàn trường.

3. Là đơn vị tham mưu cho Hiệu trưởng về triển khai, điều phối các hoạt động ĐBCLGD theo chiến lược, chính sách và kế hoạch ĐBCLGD hàng năm; đồng thời là đơn vị giám sát, hỗ trợ hệ thống ĐBCLGD cấp cơ sở về mặt chuyên môn nghiệp vụ như: xây dựng hệ thống ĐBCLGD nội bộ, triển khai tự đánh giá, đánh giá ngoài, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá.

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của bộ phận ĐBCL trong hệ thống ĐBCLGD cấp đơn vị

1. Các đơn vị thuộc trường có bộ phận ĐBCL với cơ cấu nhân sự tối thiểu có 2 người gồm Trưởng đơn vị và 1 giảng viên hoặc chuyên viên có thâm niên công tác tại đơn vị tối thiểu 5 năm để kiêm nhiệm công tác ĐBCLGD của đơn vị; Bộ phận ĐBCLGD của các đơn vị do Trưởng đơn vị đề cử và Hiệu trưởng quyết định, số lượng thành viên được xác định phù hợp với chức năng nhiệm vụ và quy mô hoạt động của đơn vị.

2. Bộ phận ĐBCLGD của đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch ĐBCLGD của đơn vị; tổ chức triển khai thực hiện các quy trình, quy định ĐBCLGD của Trường; tổ chức triển khai, đánh giá việc thực hiện kế hoạch ĐBCLGD hàng năm của Trường và của đơn vị; chỉ đạo và giám sát việc thực hiện những biện pháp cải tiến chất lượng trong các hoạt động của đơn vị; báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ ĐBCLGD tới Hội đồng ĐBCLGD cấp Trường qua phòng Đào tạo, BĐCL & CTSV.

Chương III

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG

Điều 8. Tuyển sinh và nhập học

1. Đơn vị chức năng tham mưu trong việc xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau.

2. Các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng được xây dựng phù hợp cho mỗi chương trình đào tạo.

3. Việc tổ chức công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện theo quy trình, có biện pháp giám sát chặt chẽ và được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Điều 9. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.

4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Điều 10. Giảng dạy và học tập

1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.

2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Điều 11. Đánh giá người học

1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Điều 12. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.

4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Điều 13. Đào tạo ngắn hạn và bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Trường thiết kế và cung cấp các khóa đào tạo ngắn hạn, các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

2. Chương trình đào tạo ngắn hạn và bồi dưỡng nghiệp vụ phải gắn liền với một ngành đào tạo hoặc một số ngành đào tạo (liên ngành).

3. Hoạt động đào tạo ngắn hạn và bồi dưỡng nghiệp vụ phải được rà soát và điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Điều 14. Quản lý nghiên cứu khoa học

1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của Trường.

3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

Điều 15. Quản lý tài sản trí tuệ

1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ bản quyền và kết quả nghiên cứu.

2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ Trường, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

Điều 16. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

Điều 17. Kết nối và phục vụ cộng đồng

1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường.

2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Chương IV

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 18. Kết quả đào tạo

1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Điều 19. Kết quả nghiên cứu khoa học

1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo, bao gồm việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp, ... được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Điều 20. Kết quả phục vụ cộng đồng

1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Điều 21. Kết quả tài chính và thị trường

1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Phòng Đào tạo, BDCL&CTSV

1. Phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc xây dựng, trình Hiệu trưởng phê duyệt, triển khai và giám sát thực hiện các kế hoạch ĐBCLGD của Trường;

2. Hỗ trợ chuyên môn đối với hoạt động ĐBCLGD tại cấp đơn vị;

3. Báo cáo Hiệu trưởng, Hội đồng ĐBCLGD Trường về kết quả hoạt động ĐBCL theo nội dung hoạt động ĐBCLGD, theo kế hoạch năm và theo giai đoạn chiến lược của Trường.

Điều 23. Các đơn vị thuộc trường

1. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ĐBCLGD của đơn vị trên cơ sở kế hoạch ĐBCLGD của Trường;

2. Phối hợp với Phòng Đào tạo, BDCL &CTSV trong việc xây dựng kế hoạch ĐBCLGD, hoạt động báo cáo về công tác ĐBCLGD.

Điều 24. Nguồn lực cho hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Đảm bảo chất lượng giáo dục là trách nhiệm của mỗi cán bộ, viên chức và nhân viên của Trường;

2. Hàng năm, phòng TCHC&CSVC phối hợp với các đơn vị xác định và đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhân sự về công tác ĐBCLGD.

3. Phòng TCHC & CSVC là các đơn vị đầu mối đảm bảo về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin cho hoạt động ĐBCLGD;

4. Tổ Kế hoạch – tài chính là đơn vị đầu mối đảm bảo kinh phí thực hiện các hoạt động ĐBCLGD theo quy định;

5. Các đơn vị được phép nhận viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, cho và huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp khác theo quy định của Nhà nước và của Trường

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký
2. Tùy theo điều kiện cụ thể, quy định có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a horizontal line with a small vertical tick on the right side and a diagonal stroke extending upwards from the right end.

Đỗ Xuân Phú